BỘ CÔNG THƯƠNG

BỘ CÔNG THƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 40/2019/TT-BCT	*Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2019*

THÔNG TƯ
Hướng dẫn thi hành công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Công Thương

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư hướng dẫn thi hành công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Công Thương.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thi hành công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Công Thương, bao gồm: tổ chức phong trào thi đua, danh hiệu và tiêu chuẩn danh hiệu thi đua; hình thức, đối tượng và tiêu chuẩn khen thưởng; thẩm quyền quyết định, trao tặng; hồ sơ xét khen thưởng; quản lý nhà nước về công tác thi đua, khen

thưởng; Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; Hội đồng Sáng kiến; lưu trữ hồ sơ khen thưởng; quỹ thi đua, khen thưởng; quyền, nghĩa vụ của cá nhân, tập thể; tước và phục hồi danh hiệu thi đua.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp (sau đây gọi chung là đơn vị) thuộc Bộ Công Thương, Công đoàn Công Thương Việt Nam và Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Sở Công Thương).

2. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Các đơn vị, tổ chức, cá nhân khác hoạt động trong ngành Công Thương.

4. Cá nhân, tập thể người Việt Nam ở nước ngoài và cá nhân, tập thể người nước ngoài có thành tích góp phần xây dựng và phát triển ngành Công Thương Việt Nam.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

Thực hiện theo Điều 6 Luật Thi đua, khen thưởng số 15/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng số 39/2013/QH13 ngày 16 tháng 11 năm 2013 và Điều 3 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (sau đây gọi là Nghị định số 91/2017/NĐ-CP).

Chương II
TỔ CHỨC PHONG TRÀO THI ĐUA, DANH HIỆU VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 4. Hình thức, nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Thực hiện theo Điều 4, Điều 5 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và Điều 4, Điều 5 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP

ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (sau đây gọi là Thông tư số 12/2019/TT-BNV).

2. Thủ trưởng các đơn vị trong ngành Công Thương tổ chức phong trào thi đua theo đợt có phạm vi trong đơn vị, gửi Kế hoạch tổ chức phát động phong trào thi đua về Bộ Công Thương để theo dõi, tổng hợp và hướng dẫn.

3. Thủ trưởng các đơn vị trong ngành Công Thương tổ chức sơ kết, tổng kết phong trào thi đua theo đợt trong phạm vi đơn vị, thực hiện việc khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng theo thẩm quyền.

Điều 5. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong triển khai tổ chức phong trào thi đua

1. Bộ trưởng Bộ Công Thương phát động và chỉ đạo phong trào thi đua trong phạm vi toàn ngành Công Thương.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Công Thương có trách nhiệm tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương về nội dung thi đua, tổ chức các phong trào thi đua và kiểm tra việc thực hiện phong trào thi đua trong ngành Công Thương.

3. Thủ trưởng các đơn vị tổ chức phát động và chỉ đạo phong trào thi đua trong đơn vị.

4. Thủ trưởng đơn vị phối hợp với tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên cùng cấp chỉ đạo, tổ chức phát động và duy trì thường xuyên phong trào thi đua, nhân rộng các phong trào thi đua và các gương điển hình tiên tiến trong phạm vi đơn vị; chủ động phát hiện, lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

Điều 6. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân làm công tác thi đua, khen thưởng

1. Tổ chức, cá nhân làm công tác thi đua, khen thưởng của các đơn vị thuộc ngành Công Thương căn cứ vào nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch phát triển hằng năm, 5 năm và nhiệm vụ chính trị được giao để tham mưu, đề xuất với lãnh đạo về chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp thi đua; đặc biệt coi trọng công tác tuyên truyền, vận động cán bộ, công chức, viên chức tham gia phong trào thi đua; chủ động hướng dẫn, tổ chức các phong trào thi đua và kiểm

tra việc thực hiện; tham mưu sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến; đề xuất khen thưởng và các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp thuộc ngành Công Thương có trách nhiệm tham mưu cho Thủ trưởng đơn vị cùng cấp tổ chức phát động và chỉ đạo phong trào thi đua trong phạm vi đơn vị.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Công Thương có trách nhiệm giúp Bộ trưởng đánh giá thành tích của tập thể, cá nhân có phạm vi ảnh hưởng trong toàn ngành Công Thương.

4. Cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Công Thương chịu trách nhiệm trước Hội đồng về việc thẩm định trên hồ sơ của đơn vị trình, đề nghị các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng bao gồm thẩm định về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan báo chí ngành Công Thương

Các cơ quan báo chí ngành Công Thương có trách nhiệm phản ánh đúng kết quả của phong trào thi đua và công tác khen thưởng; thường xuyên tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng và công tác thi đua, khen thưởng của ngành Công Thương; phát hiện các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua; biểu dương, tôn vinh, nêu gương các điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt; đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 8. Đăng ký thi đua, danh hiệu thi đua

1. Đăng ký thi đua thường xuyên:

Hằng năm, các đơn vị tổ chức cho cá nhân, tập thể đăng ký thi đua, danh hiệu thi đua (bản đăng ký thi đua của tập thể gửi về cấp trên trực tiếp trước ngày 15 tháng 3; bản đăng ký thi đua của đơn vị trực thuộc và cá nhân lưu tại đơn vị) để đặt mục tiêu phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu thi đua và làm căn cứ xem xét khen thưởng.

2. Đăng ký thi đua theo đợt (hoặc chuyên đề):

Các đơn vị trực thuộc Bộ Công Thương, Công đoàn Công Thương Việt Nam, Sở Công Thương tổ chức phát động thi đua theo đợt (hoặc chuyên đề) phải chủ động

xây dựng kế hoạch và đăng ký thi đua, hình thức khen thưởng gửi về Bộ Công Thương trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày phát động phong trào thi đua.

Điều 9. Danh hiệu thi đua

1. Đối với cá nhân:

a) Chiến sĩ thi đua toàn quốc;

b) Chiến sĩ thi đua Bộ Công Thương;

c) Chiến sĩ thi đua cơ sở;

d) Lao động tiên tiến.

2. Đối với tập thể:

a) Cờ thi đua của Chính phủ;

b) Cờ thi đua của Bộ Công Thương;

c) Tập thể lao động xuất sắc;

d) Tập thể lao động tiên tiến.

Điều 10. Tiêu chuẩn danh hiệu thi đua

1. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu thi đua đối với cá nhân thực hiện theo Điều 9, Điều 10 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Tiêu chuẩn xét tặng các danh hiệu thi đua đối với tập thể:

a) Tiêu chuẩn xét tặng tập thể đạt danh hiệu Cờ thi đua của Chính phủ thực hiện theo Điều 11 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP;

b) Tiêu chuẩn xét tặng tập thể đạt danh hiệu Cờ thi đua của Bộ Công Thương được thực hiện theo quy định tại Điều 26 Luật Thi đua, khen thưởng số 15/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng số 39/2013/QH13 ngày 16 tháng 11 năm 2013. Việc công nhận tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất để tặng Cờ thi đua của Bộ Công Thương phải được thực hiện thông qua bình xét, đánh giá, so sánh theo các khối, cụm thi đua do Bộ Công Thương tổ chức hoặc trong các phong trào thi đua do Bộ Công Thương tổ chức có thời gian từ 01 năm trở lên;

c) Tập thể đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật Thi đua, khen thưởng số 15/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003;

d) Tập thể đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Thi đua, khen thưởng số 15/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003;

đ) Các đơn vị mới thành lập phải có thời gian hoạt động từ 01 năm trở lên mới được bình xét danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến và Tập thể lao động xuất sắc.

Chương III
HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 11. Các loại hình khen thưởng

1. Các loại hình khen thưởng được quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 13 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Khen thưởng đối ngoại trong ngành Công Thương là khen thưởng cho tập thể, cá nhân người nước ngoài có thành tích đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành Công Thương.

Điều 12. Hình thức khen thưởng

1. Các hình thức khen thưởng của Nhà nước:

a) Huân chương;

b) Huy chương;

c) Danh hiệu vinh dự Nhà nước;

d) Giải thưởng Hồ Chí Minh;

đ) Giải thưởng Nhà nước;

e) Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

2. Các hình thức khen thưởng của Bộ Công Thương:

a) Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp phát triển ngành Công Thương Việt Nam";

b) Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

3. Giấy khen là hình thức khen thưởng của Thủ trưởng đơn vị có tài khoản riêng, con dấu riêng, có tư cách pháp nhân.

Điều 13. Tiêu chuẩn hình thức khen thưởng

1. Tiêu chuẩn xét tặng Huân chương, Huy chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ thực hiện theo quy định tại Điều 14, 15, 16, 17, 18, 22, 23, 24, 32, 33, 36, 38 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu "Anh hùng Lao động" thực hiện theo quy định tại Điều 61 Luật Thi đua, khen thưởng số 15/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng số 39/2013/QH13 ngày 16 tháng 11 năm 2013.

3. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu "Nhà giáo nhân dân", "Nhà giáo ưu tú", "Thầy thuốc nhân dân", "Thầy thuốc ưu tú", "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú", "Giải thưởng Hồ Chí Minh", "Giải thưởng Nhà nước" thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Khen thưởng quá trình cống hiến thực hiện theo Điều 41, Điều 42 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

5. Khi khen thưởng đối với tập thể có tổ chức Đảng, đoàn thể thì tổ chức Đảng, đoàn thể phải được đánh giá "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ".

6. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua, hoạt động của ngành Công Thương phát động hằng năm;

b) Lập được thành tích có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc ngành Công Thương;

c) Có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở; đối với công nhân, người lao động lập được nhiều thành tích trong lao động, sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong đơn vị, tổ chức;

d) Có quá trình công tác trong các đơn vị thuộc Bộ Công Thương, có đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành Công Thương, được xét tặng trước khi nghỉ chế độ hưu trí;

đ) Đạt nhiều thành tích trong công tác góp phần xây dựng và phát triển ngành Công Thương Việt Nam nhân dịp kỷ niệm (năm tròn và năm lẻ 5) ngày thành lập ngành Công Thương, đơn vị;

e) Các trường hợp khác do Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, quyết định.

7. "Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương" để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc, được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Có thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc ngành Công Thương;

c) Có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách pháp luật;

d) Đạt nhiều thành tích trong công tác góp phần xây dựng và phát triển ngành Công Thương Việt Nam nhân dịp kỷ niệm (năm tròn và năm lẻ 5) ngày thành lập ngành Công Thương, đơn vị.

đ) Các trường hợp khác do Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, quyết định.

8. Giấy khen của Thủ trưởng đơn vị có tài khoản riêng, con dấu riêng, có tư cách pháp nhân: Thực hiện theo quy định tại Điều 74, 75, 76 Luật Thi đua, khen thưởng số 15/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng số 39/2013/QH13 ngày 16 tháng 11 năm 2013.

Điều 14. Tiêu chuẩn xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp phát triển ngành Công Thương Việt Nam"

Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp phát triển ngành Công Thương Việt Nam" (sau đây gọi là Kỷ niệm chương) có nội dung, hình dáng, kích cỡ, màu sắc thể

hiện đặc trưng của ngành Công Thương và phù hợp với quy định của pháp luật; được Bộ trưởng Bộ Công Thương tặng thưởng cho các cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

1. Đối với cá nhân trong ngành Công Thương:

a) Cá nhân đã hoặc đang công tác tại các đơn vị thuộc Bộ, ngành Công Thương, bao gồm các doanh nghiệp thuộc Bộ, các đơn vị quản lý nhà nước về Công Thương ở địa phương; cá nhân trực tiếp làm công tác Công Thương tại các đơn vị ngoài ngành Công Thương (đang làm việc hoặc đã chuyển sang ngành khác, đã nghỉ chế độ, nghỉ hưu), có thời gian công tác trong ngành tối thiểu 20 năm đối với nam, 15 năm đối với nữ; 10 năm đối với người trực tiếp lao động trong các nghề độc hại, nguy hiểm tính đến thời điểm đề nghị.

Thời gian cá nhân trong ngành Công Thương được cử đi làm nghĩa vụ quân sự, đi học tập trung hạn, dài hạn sau đó lại được điều động về công tác trong ngành Công Thương thì được tính là thời gian công tác liên tục trong ngành Công Thương; cá nhân bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên do cấp có thẩm quyền quyết định thì thời gian bị kỷ luật không được tính vào thâm niên xét tặng;

b) Các trường hợp không tính thâm niên công tác khi xét tặng:

Cá nhân đạt danh hiệu Anh hùng Lao động; Chiến sĩ thi đua toàn quốc; Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Thầy thuốc nhân dân, Thầy thuốc ưu tú công tác trong ngành Công Thương; Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực thủ công mỹ nghệ; cá nhân có từ 03 công trình nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp ngành hoặc có 05 Bằng Lao động sáng tạo được áp dụng vào sản xuất.

2. Đối với cá nhân ngoài ngành Công Thương:

a) Cá nhân có sáng chế phát minh, công trình khoa học cấp Nhà nước được áp dụng trong ngành Công Thương, góp phần vào sự phát triển ngành Công Thương;

b) Cán bộ Lãnh đạo các Bộ, ngành, địa phương, đoàn thể, hiệp hội (ở trung ương, địa phương) và tương đương có nhiều đóng góp vào sự phát triển của ngành Công Thương được các đơn vị thuộc Bộ Công Thương và các Sở Công Thương đề nghị;

c) Công dân Việt Nam ở nước ngoài có nhiều đóng góp vào sự phát triển của ngành Công Thương Việt Nam;

d) Cá nhân là người nước ngoài có công xây dựng, củng cố và phát triển quan hệ đối ngoại của ngành Công Thương Việt Nam hoặc có sự ủng hộ về tinh thần, vật chất cho sự phát triển ngành Công Thương Việt Nam.

3. Trường hợp đặc biệt khác do Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định.

4. Các trường hợp không được xét tặng Kỷ niệm chương:

a) Cá nhân đã được tặng một trong các Kỷ niệm chương sau: Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp phát triển Công nghiệp Việt Nam", Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Thương mại", Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp phát triển ngành Công Thương Việt Nam";

b) Người đã tự ý bỏ việc khỏi đơn vị;

c) Người bị kỷ luật nhưng chưa hết thời hiệu kỷ luật; người bị kết án nhưng chưa được xóa án tích.

Chương IV
THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG; THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT KHEN THƯỞNG

Điều 15. Thẩm quyền quyết định tặng thưởng

1. Thẩm quyền quyết định tặng thưởng Huân chương, Huy chương, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước, Danh hiệu vinh dự Nhà nước, Cờ thi đua của Chính phủ, Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ thực hiện theo quy định tại Điều 77 và Điều 78 Luật Thi đua, khen thưởng số 15/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng số 39/2013/QH13 ngày 16 tháng 11 năm 2013.

2. Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định tặng thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng sau:

a) Cờ thi đua của Bộ Công Thương;

b) Chiến sĩ thi đua Bộ Công Thương;

c) Danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc cho các đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc Bộ (trừ các Tổng công ty); ủy quyền cho Thủ trưởng các đơn vị có tư cách

pháp nhân, có tài khoản riêng, con dấu riêng quyết định tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc cho các đơn vị trực thuộc;

d) Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

đ) Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp phát triển ngành Công Thương Việt Nam";

e) Hình thức tặng thưởng khác do Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, quyết định.

3. Thủ trưởng các đơn vị có tư cách pháp nhân, có tài khoản riêng, con dấu riêng quyết định tặng thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng sau:

a) Tập thể lao động tiên tiến;

b) Tập thể lao động xuất sắc;

c) Lao động tiên tiến;

d) Chiến sĩ thi đua cơ sở;

đ) Giấy khen.

Điều 16. Trao tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Việc trao tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Đối với các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng: Anh hùng Lao động, Chiến sĩ thi đua toàn quốc; Cờ thi đua của Chính phủ; Huân chương, Huy chương các loại; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Công Thương lập kế hoạch tổ chức, đón nhận trình Lãnh đạo Bộ. Sau khi có ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ, Văn phòng Bộ phối hợp với các đơn vị tổ chức công bố, trao tặng đảm bảo trang trọng, tiết kiệm. Trường hợp đặc biệt, Văn phòng Bộ lập kế hoạch tổ chức đón nhận trình Bộ trưởng và tổ chức công bố, trao tặng.

3. Bộ trưởng Bộ Công Thương giao Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Công Thương và Giám đốc Sở Công Thương tổ chức trao tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của Bộ Công Thương theo quy định.

Điều 17. Tuyến trình khen thưởng

1. Tuyến trình khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Các đơn vị trực thuộc Bộ, Công đoàn Công Thương Việt Nam, Sở Công Thương trình Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, đề nghị tặng thưởng Cờ thi đua của Bộ Công Thương và Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương cho các tập thể và cá nhân thuộc phạm vi quản lý trong việc thực hiện các phong trào thi đua của ngành Công Thương.

3. Các đơn vị trực thuộc Bộ, Sở Công Thương trình Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, đề nghị tặng thưởng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương cho các đơn vị, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Công Thương nhân dịp kỷ niệm (năm tròn và năm lẻ 5) ngày thành lập ngành Công Thương, đơn vị thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước đã có đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành Công Thương.

4. Các hội là tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở trung ương chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Công Thương về ngành, lĩnh vực mà hội hoạt động trình Bộ trưởng Bộ Công Thương khen thưởng hoặc xem xét trình cấp trên khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được, đột xuất cho Hội và các tập thể, cá nhân trực thuộc Hội; trình Bộ trưởng Bộ Công Thương khen thưởng theo đợt (hoặc chuyên đề) với hình thức khen thưởng là Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương cho các thành viên của Hội.

5. Các đơn vị, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Công Thương đề nghị tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp phát triển ngành Công Thương Việt Nam" cho các cá nhân thuộc phạm vi quản lý có đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành Công Thương.

6. Đối với đơn vị ngoài ngành: Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ có quan hệ công tác đề nghị Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, khen thưởng.

Điều 18. Hiệp y khen thưởng

1. Việc lấy ý kiến hiệp y khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước và lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Đối với khen thưởng cấp Bộ, cấp Nhà nước, Văn phòng Bộ căn cứ vào hồ sơ đề nghị khen thưởng của các đơn vị, thành tích đạt được và tiêu chuẩn xét khen thưởng

để thẩm định và trình Lãnh đạo Bộ khen thưởng. Văn phòng Bộ lấy ý kiến hiệp y khen thưởng của các đơn vị chức năng trực thuộc Bộ Công Thương. Các đơn vị chức năng trực thuộc Bộ Công Thương cho ý kiến đối với lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của đơn vị mình.

3. Đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Công Thương thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khi trình khen thưởng phải có ý kiến hiệp y khen thưởng của Sở Công Thương.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Văn phòng Bộ về việc lấy ý kiến hiệp y, cơ quan được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản. Hết thời hạn trên, Văn phòng Bộ tiến hành các thủ tục trình khen thưởng. Thủ trưởng đơn vị được xin ý kiến hiệp y chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung được xin ý kiến.

Điều 19. Thời điểm nhận hồ sơ, thời gian thẩm định, thời gian thông báo kết quả khen thưởng

1. Thời điểm nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được đối với tập thể, cá nhân:

a) Đối với khen thưởng hằng năm cho các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Công Thương và danh hiệu Cờ thi đua của Chính phủ: thực hiện theo công văn hướng dẫn khen thưởng của Bộ Công Thương;

b) Đối với khen thưởng danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc: hồ sơ gửi về Bộ Công Thương chậm nhất ngày 30 tháng 6 hằng năm (tính theo dấu bưu điện);

c) Đối với Huân chương, Huy chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (khen theo công trạng và thành tích đạt được): hồ sơ gửi về Bộ Công Thương chậm nhất ngày 29 tháng 4 hằng năm (tính theo dấu bưu điện);

d) Đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng: Lao động tiên tiến; Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; Tập thể lao động tiên tiến; Tập thể lao động xuất sắc; Giấy khen thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng đơn vị: do Thủ trưởng đơn vị xem xét, quyết định thời gian nhận hồ sơ và hoàn thành việc xét khen thưởng trước ngày 31 tháng 01 hằng năm.

2. Thời điểm nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng đột xuất, khen thưởng theo chuyên đề: hồ sơ được gửi chậm nhất không quá 45 ngày kể từ ngày lập được thành tích đột xuất hoặc sau khi kết thúc chuyên đề công tác.

3. Thời gian thẩm định, thời gian thông báo kết quả khen thưởng thực hiện theo điểm b Khoản 2 Điều 48 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

4. Thời gian thông báo kết quả khen thưởng:

a) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Bộ trưởng Bộ Công Thương ký quyết định khen thưởng hoặc kể từ ngày nhận được quyết định khen thưởng của các cơ quan có thẩm quyền, Văn phòng Bộ thông báo cho đơn vị trình khen thưởng;

b) Đối với các trường hợp không đủ điều kiện, tiêu chuẩn, hồ sơ theo quy định, trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Văn phòng Bộ thông báo cho đơn vị trình khen thưởng;

c) Trường hợp hồ sơ gửi không đúng tuyến trình, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Văn phòng Bộ thông báo và trả hồ sơ cho đơn vị trình khen thưởng.

Điều 20. Thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Thủ tục, hồ sơ xét tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng: Anh hùng Lao động, Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Chiến sĩ thi đua các cấp và danh hiệu thi đua khác, Cờ thi đua của Chính phủ, Huân chương, Huy chương các loại, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ thực hiện theo quy định tại các Điều 45, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và khoản 3 Điều 10 Thông tư số 12/2019/TT-BNV.

2. Hồ sơ khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được xét tặng Cờ thi đua của Bộ Công Thương, Chiến sĩ thi đua Bộ Công Thương, Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương 01 bộ (bản chính), gồm:

a) Tờ trình;

b) Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng (có kết quả bỏ phiếu kín đối với đề nghị danh hiệu Chiến sỹ thi đua Bộ Công Thương);

c) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng phải phù hợp với hình thức, mức hạng khen thưởng theo quy định. Trong báo cáo phải ghi

cụ thể số quyết định, ngày, tháng, năm được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng của cấp có thẩm quyền. Báo cáo thành tích của cá nhân theo Mẫu số 1 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này. Báo cáo thành tích của tập thể theo Mẫu số 1 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

3. Hồ sơ khen thưởng chuyên đề hoặc đột xuất của Công đoàn Công Thương Việt Nam, Sở Công Thương đề nghị xét tặng Cờ thi đua của Bộ Công Thương, Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương 01 bộ (bản chính), gồm:

a) Tờ trình đề nghị khen thưởng của đơn vị kèm theo danh sách cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng;

b) Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng;

c) Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể;

d) Doanh nghiệp xác nhận thuế, bảo hiểm xã hội 12 tháng tính đến thời điểm trình khen thưởng;

đ) Sao y quyết định đánh giá, phân loại tổ chức Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ (đối với đề nghị tặng Cờ thi đua của Bộ Công Thương).

4. Hồ sơ khen thưởng đơn giản xét tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương (thực hiện theo Điều 55 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP được áp dụng đối với khen quá trình công hiến; thành tích tổ chức hội chợ, triển lãm ngành Công Thương) 01 bộ (bản chính), gồm:

a) Tờ trình đề nghị khen thưởng của đơn vị trực thuộc Bộ Công Thương, Sở Công Thương kèm theo danh sách cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng;

b) Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng hoặc Biên bản họp của Ban Tổ chức hội chợ, triển lãm;

c) Báo cáo tóm tắt thành tích do các đơn vị trực thuộc Bộ Công Thương, các Sở Công Thương lập (nêu rõ thành tích, công trạng lập được) để đề nghị khen thưởng.

5. Hồ sơ đề nghị khen thưởng nhân dịp kỷ niệm (năm tròn và năm lẻ 5) ngày thành lập ngành Công Thương, đơn vị, doanh nghiệp 01 bộ (bản chính), gồm:

a) Tờ trình đề nghị khen thưởng của đơn vị kèm theo danh sách cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng;

b) Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng;

c) Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể;

d) Xác nhận thuế, bảo hiểm xã hội 12 tháng tính đến thời điểm trình khen thưởng;

đ) Hiệp y khen thưởng của Sở Công Thương (đối với doanh nghiệp chịu sự quản lý của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

6. Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Bộ của cá nhân là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng phải có xác nhận thuế và bảo hiểm xã hội 12 tháng tính đến thời điểm trình khen.

7. Hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương:

a) Tờ trình đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương của đơn vị kèm theo danh sách cá nhân được đề nghị theo Mẫu số 2 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cấp trình khen.

8. Hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi về Bộ Công Thương, đồng thời gửi hồ sơ điện tử đến địa chỉ tdkt@moit.gov.vn (ở định dạng ".doc" hoặc ".docx" đối với tờ trình, danh sách, báo cáo thành tích; ở định dạng ".pdf" đối với các hồ sơ khác có liên quan; trừ văn bản có nội dung thuộc bí mật Nhà nước).

9. Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm trước pháp luật về thủ tục, hồ sơ, quy trình, tính xác thực của thành tích và các nội dung nêu trong hồ sơ trình Bộ trưởng Bộ Công Thương.

Chương V
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG; HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG; HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN

Điều 21. Quản lý nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng

1. Tuyên truyền, phổ biến nhân rộng điển hình tiên tiến

a) Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền tư tưởng thi đua yêu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh; chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng; ban hành

kế hoạch tổ chức tuyên truyền nhân rộng những điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt, lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong phong trào thi đua để biểu dương, tôn vinh, khen thưởng kịp thời;

b) Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Công Thương phối hợp với các cơ quan thông tin truyền thông đẩy mạnh công tác tuyên truyền tư tưởng thi đua yêu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh; chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng; biểu dương, tôn vinh, nhân rộng những điển hình tiên tiến trong các phong trào thi đua trên phạm vi toàn quốc.

2. Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ

a) Hằng năm, Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Công Thương tham mưu xây dựng kế hoạch để chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về thi đua, khen thưởng cho các cá nhân làm công tác thi đua, khen thưởng tại các đơn vị thuộc ngành Công Thương;

b) Tổ chức, cá nhân làm công tác thi đua, khen thưởng các cấp xây dựng kế hoạch và nội dung chương trình bồi dưỡng để tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền quản lý, báo cáo Văn phòng Bộ về kế hoạch thực hiện; cử cán bộ, công chức, viên chức làm công tác thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền quản lý tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ do Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Công Thương tổ chức.

3. Kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng

a) Hằng năm, Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Công Thương tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành kế hoạch, tổ chức kiểm tra việc tổ chức phong trào thi đua và thực hiện chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng tại các đơn vị thuộc ngành Công Thương.

b) Tổ chức, cá nhân làm công tác thi đua, khen thưởng các cấp tham mưu cho Hội đồng Thi đua - Khen thưởng xây dựng kế hoạch hằng năm, tổ chức kiểm tra việc tổ chức phong trào thi đua và thực hiện chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 22. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Công Thương

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Công Thương là cơ quan do Bộ trưởng Bộ Công Thương thành lập, tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Công Thương về công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Công Thương.

2. Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Công Thương gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Bộ trưởng Bộ Công Thương;

b) Hội đồng có từ 03 đến 04 Phó Chủ tịch, trong đó có Thứ trưởng phụ trách Văn phòng Bộ là Phó Chủ tịch; các Phó Chủ tịch khác, Ủy viên của Hội đồng là Lãnh đạo Bộ và cấp trưởng một số đơn vị trực thuộc Bộ do Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định.

3. Văn phòng Bộ là Cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Công Thương.

4. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Công Thương có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a) Tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Công Thương tổ chức phát động, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện phong trào thi đua và tổ chức thực hiện các chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng trong ngành Công Thương;

b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn;

c) Tham mưu việc phát hiện, nhân rộng điển hình tiên tiến; việc bình xét, lựa chọn những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong phong trào thi đua của ngành Công Thương để Bộ trưởng tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

5. Hội đồng làm việc theo Quy chế tổ chức, hoạt động do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành. Cuộc họp của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Công Thương được tổ chức ít nhất khi có 2/3 thành viên Hội đồng tham dự, chủ trì cuộc họp là Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng được ủy quyền. Trong

trường hợp không họp Hội đồng thì Cơ quan thường trực gửi Phiếu xin ý kiến đến thành viên Hội đồng.

Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Công Thương trình Bộ trưởng danh sách cá nhân đạt từ 2/3 số phiếu thành viên đồng ý trở lên. Đối với quy định các danh hiệu Chiến sĩ thi đua Bộ Công Thương, Chiến sĩ thi đua toàn quốc, danh hiệu vinh dự nhà nước phải đạt tỷ lệ số phiếu từ 90% trở lên.

Điều 23. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở

1. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Công Thương có tài khoản riêng, con dấu riêng, có tư cách pháp nhân ra quyết định thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của đơn vị để tham mưu cho Thủ trưởng đơn vị về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Thủ trưởng đơn vị;

b) Người đứng đầu tổ chức giúp Thủ trưởng đơn vị thực hiện công tác thi đua, khen thưởng là Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng hoặc Ủy viên thường trực; các Phó Chủ tịch và Ủy viên khác của Hội đồng do Thủ trưởng đơn vị quyết định.

3. Hội đồng làm việc theo Quy chế hoạt động do Thủ trưởng đơn vị ban hành.

4. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Tham mưu cho Thủ trưởng đơn vị phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền;

b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn;

c) Tham mưu cho Thủ trưởng đơn vị kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng;

d) Tham mưu cho Thủ trưởng đơn vị quyết định tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

5. Đối với các đơn vị không thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, việc xét, đề nghị khen thưởng do thủ trưởng đơn vị phối hợp với đại diện cấp ủy, tổ chức đoàn thể đơn vị đó thực hiện.

Điều 24. Hội đồng Sáng kiến Bộ Công Thương

1. Hội đồng Sáng kiến Bộ Công Thương là cơ quan do Bộ trưởng Bộ Công Thương thành lập, giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương đánh giá, công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến để làm căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.

2. Thành phần Hội đồng Sáng kiến Bộ Công Thương gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng Sáng kiến Bộ Công Thương là Thứ trưởng phụ trách Văn phòng Bộ;

b) Phó Chủ tịch gồm: Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ;

c) Các Ủy viên do Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, quyết định.

3. Văn phòng Bộ là Cơ quan thường trực của Hội đồng Sáng kiến Bộ Công Thương;

4. Hội đồng Sáng kiến Bộ Công Thương làm việc theo Quy chế tổ chức, hoạt động do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành. Cuộc họp của Hội đồng Sáng kiến Bộ Công Thương được tổ chức khi có ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng tham dự, chủ trì cuộc họp là Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng được ủy quyền. Trong trường hợp không họp Hội đồng thì Cơ quan thường trực gửi Phiếu xin ý kiến đến Thành viên Hội đồng. Hội đồng Sáng kiến Bộ Công Thương trình Bộ trưởng danh sách cá nhân đạt từ 2/3 số phiếu thành viên đồng ý trở lên.

Điều 25. Hội đồng Sáng kiến cấp cơ sở

1. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Công Thương có tài khoản riêng, con dấu riêng, có tư cách pháp nhân ra quyết định thành lập Hội đồng Sáng kiến của đơn vị để tham mưu cho Thủ trưởng đơn vị về công tác thẩm định sáng kiến, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến.

2. Thành phần Hội đồng gồm có Chủ tịch Hội đồng, các Phó Chủ tịch Hội đồng, Thư ký Hội đồng và các Ủy viên.

3. Hội đồng làm việc theo quy chế hoạt động do Thủ trưởng đơn vị ban hành.

4. Đối với các đơn vị không có Hội đồng Sáng kiến cấp cơ sở, việc xét, đề nghị khen thưởng do thủ trưởng đơn vị phối hợp với đại diện cấp ủy, tổ chức đoàn thể đơn vị đó thực hiện.

Chương VI
LƯU TRỮ HỒ SƠ KHEN THƯỞNG; QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG; QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA CÁ NHÂN, TẬP THỂ; TƯỚC, PHỤC HỒI DANH HIỆU

Điều 26. Lưu trữ hồ sơ khen thưởng

1. Cơ quan thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ khen thưởng theo quy định để ghi nhận thành tích của các thế hệ đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng, dân tộc, giáo dục truyền thống, xây dựng đơn vị và phục vụ cho việc tra cứu, giải quyết đơn thư khiếu nại của công dân hoặc xác nhận cho các đối tượng được hưởng chính sách khi có yêu cầu.

2. Hồ sơ khen thưởng phải được bàn giao cho bộ phận lưu trữ của đơn vị khi hết thời hạn lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Điều 27. Nguồn và mức trích Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của các đơn vị thuộc Bộ Công Thương được hình thành theo quy định tại Điều 65 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Quỹ thi đua, khen thưởng của Bộ Công Thương được hình thành từ các nguồn sau:

a) Từ ngân sách nhà nước với mức không quá 20% tổng quỹ tiền lương, tiền công được duyệt theo ngạch, bậc của cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế của cơ quan Bộ Công Thương và được quyết toán hằng năm;

b) Từ đóng góp tự nguyện (không bắt buộc) của các đơn vị trực thuộc Bộ Công Thương. Mức đóng góp tự nguyện không được quá 5% Quỹ thi đua, khen thưởng được trích lập hằng năm của các đơn vị trực thuộc Bộ Công Thương;

c) Từ đóng góp tự nguyện của các cá nhân, tập thể trong và ngoài nước khác.

Điều 28. Sử dụng, quản lý Quỹ thi đua, khen thưởng; mức tiền thưởng, chế độ ưu đãi và các quyền lợi khác

1. Việc sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng của Bộ Công Thương và các đơn vị thuộc Bộ Công Thương thực hiện theo quy định tại Điều 66 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Quỹ thi đua, khen thưởng của Bộ Công Thương được sử dụng như sau:

a) Phần Quỹ thi đua, khen thưởng được hình thành theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 Thông tư này được sử dụng chi cho công tác thi đua, khen thưởng của Cơ quan Bộ Công Thương theo đúng quy định về công tác thi đua, khen thưởng;

b) Phần Quỹ thi đua, khen thưởng được hình thành theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 27 Thông tư này được sử dụng chi cho công tác thi đua, khen thưởng của ngành Công Thương theo đúng quy định về công tác thi đua, khen thưởng. Số dư trong Quỹ được chuyển sang năm sau để tiếp tục sử dụng cho công tác thi đua, khen thưởng.

3. Việc quản lý Quỹ thi đua, khen thưởng của Bộ Công Thương và các đơn vị thuộc Bộ Công Thương thực hiện theo quy định tại Điều 67 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

4. Mức tiền thưởng, chế độ ưu đãi và các quyền lợi khác của các cá nhân, tập thể thuộc các đơn vị thuộc Bộ Công Thương thực hiện theo quy định tại các Điều 68, 69, 70, 71, 72, 73, 74 và 75 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng; hủy bỏ quyết định khen thưởng; thủ tục, hồ sơ tước hoặc phục hồi danh hiệu

1. Quyền và nghĩa vụ của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng thực hiện theo Điều 76, 77 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Việc hủy bỏ quyết định khen thưởng, thủ tục, hồ sơ tước hoặc phục hồi danh hiệu thực hiện theo Điều 78, 79 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 3 năm 2020.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 16/2018/TT-BCT ngày 04 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết thi hành công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Công Thương.

Điều 31. Tổ chức thực hiện

1. Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Công Thương giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thuộc ngành Công Thương trong việc triển khai thực hiện Thông tư này; căn cứ tình hình thực tiễn phong trào thi đua hằng năm để nghiên cứu, đề xuất số lượng và tỷ lệ khen thưởng trình Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, quyết định.

2. Thủ trưởng các đơn vị tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này và cụ thể hóa các tiêu chuẩn phù hợp với tình hình hoạt động của đơn vị.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các đơn vị, cá nhân phản ánh bằng văn bản về Bộ Công Thương để xem xét, giải quyết./.

BỘ TRƯỞNG

Trần Tuấn Anh

Phụ lục
MỘT SỐ MẪU VĂN BẢN ÁP DỤNG TRONG HỒ SƠ, THỦ TỤC KHEN THƯỞNG

Mẫu số 1	Báo cáo thành tích đề nghị tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua Bộ Công Thương" và Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương cho cá nhân (khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được)
Mẫu số 2	Danh sách đề nghị tặng Kỷ niệm chương

Mẫu số 1: Báo cáo thành tích đề nghị tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua Bộ Công Thương" và Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương cho cá nhân (khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được)[1]

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN **ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tỉnh (thành phố), ngày… tháng… năm…

BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG……[2]

I. SƠ LƯỢC LÝ LỊCH

- Họ tên (Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt):
- Sinh ngày, tháng, năm: Giới tính:
- Quê quán[3]:
- Trú quán:
- Đơn vị công tác:
- Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể):
- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ:
- Học hàm, học vị, danh hiệu, giải thưởng:

II. THÀNH TÍCH ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

1. Quyền hạn, nhiệm vụ được giao hoặc đảm nhận:

2. Thành tích đạt được của cá nhân[4]: *(Trong đó có nội dung trình bày về giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp công tác, giải pháp tác nghiệp, giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cấp có thẩm quyền xem xét công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu, áp dụng hoặc mưu trí, sáng tạo trong công tác góp phần hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (sau đây gọi tắt là "sáng kiến"). Với mỗi sáng kiến nêu rõ: tên sáng kiến, thời gian (năm), nội dung sáng kiến, hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng. Về số lượng, đối với Báo cáo đề nghị phong tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua Bộ Công Thương": tối thiểu 03 sáng kiến; đối với báo cáo đề nghị tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương: tối thiểu 02 sáng kiến; Số quyết định, ngày, tháng, năm được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Số quyết định, ngày, tháng, năm được công nhận sáng kiến).*

III. CÁC HÌNH THỨC ĐÃ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG[5]

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
XÁC NHẬN, ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu)

NGƯỜI BÁO CÁO THÀNH TÍCH
(Ký, ghi rõ họ và tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP TRÊN TRỰC TIẾP XÁC NHẬN
(Ký, đóng dấu)

GHI CHÚ:

[1] Báo cáo thành tích 03 năm trước thời điểm đề nghị đối với danh hiệu "Chiến sĩ thi đua Bộ Công Thương"; 02 năm đối với Bằng khen cấp bộ.

[2] Ghi rõ danh hiệu "Chiến sĩ thi đua Bộ Công Thương" hoặc Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

[3] Đơn vị hành chính: Xã (phường, thị trấn); huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh): tỉnh (thành phố trực thuộc Trung ương).

[4] Nêu thành tích cá nhân trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao (kết quả đã đạt được về năng suất, chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ; các biện pháp, giải pháp công tác trong việc đổi mới công tác quản lý, những sáng kiến kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học; việc đổi mới công nghệ, ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào thực tiễn; việc thực hiện chủ trương, đường lối của

Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; công tác bồi dưỡng, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức; chăm lo đời sống cán bộ, nhân viên, vai trò của cá nhân trong công tác xây dựng Đảng và các đoàn thể; công tác tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện…).

- Đối với cán bộ làm công tác quản lý nêu tóm tắt thành tích của đơn vị, riêng Thủ trưởng đơn vị kinh doanh lập bảng thống kê so sánh các tiêu chí: Giá trị tổng sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách, đầu tư tái sản xuất, thu nhập bình quân; các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, áp dụng khoa học (giá trị làm lợi); phúc lợi xã hội; thực hiện chính sách bảo hiểm đối với người lao động… việc thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước; đảm bảo môi trường, an toàn vệ sinh lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm (có trích lục và nội dung xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền) trong đó:

+ Đối với trường học: Lập bảng thống kê so sánh các tiêu chí: Tổng số học sinh, hạnh kiểm và kết quả học tập; số học sinh giỏi cấp trường, cấp huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh), cấp tỉnh (thành phố thuộc Trung ương), cấp quốc gia; số giáo viên giỏi các cấp; số đề tài nghiên cứu,…

+ Đối với bệnh viện: Lập bảng thống kê so sánh các tiêu chí: Tổng số người khám, chữa bệnh; tổng số người được điều trị nội, ngoại trú; tổng số giường bệnh đưa vào sử dụng; số người được khám, điều trị bệnh, chữa bệnh miễn phí; số đề tài nghiên cứu khoa học, các sáng kiến, áp dụng khoa học (giá trị làm lợi về kinh tế, xã hội,…).

+ Đối với các hội đoàn thể, lấy kết quả thực hiện các nhiệm vụ công tác trọng tâm và các chương trình công tác của Trung ương hội, đoàn thể giao.

+ Đối với các cơ quan quản lý nhà nước, lấy kết quả thực hiện các nhiệm vụ chính trong quản lý nhà nước, thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và công tác tham mưu cho lãnh đạo trong phát triển đơn vị, ngành, địa phương…

[5] Nêu các nội dung sau:

- Đối với báo cáo đề nghị phong tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua Bộ Công Thương": ghi rõ số quyết định, ngày, tháng, năm công nhận danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở" được cấp có thẩm quyền công nhận (thời gian 03 năm liên tục được tặng danh hiệu trước thời điểm đề nghị); ghi rõ số quyết định, ngày, tháng, năm được công nhận sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học được cấp có thẩm quyền công nhận.

- Đối với báo cáo đề nghị tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương: ghi rõ số quyết định, ngày, tháng, năm công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (thời gian 02 năm liên tục trước thời điểm đề nghị); ghi rõ số quyết định, ngày, tháng, năm được công nhận sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học được cấp có thẩm quyền công nhận.

Mẫu số 2: Danh sách đề nghị tặng Kỷ niệm chương

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày… tháng… năm…

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG
"VÌ SỰ NGHIỆP PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM "

STT	Họ và tên	Năm sinh		Nghề nghiệp, chức vụ, nơi công tác	Thành tích đạt được hoặc số năm công tác trong ngành Công Thương[1]	Ghi chú
		Nam	Nữ			

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Người lập danh sách
(Ký, ghi rõ họ và tên)

GHI CHÚ:

[1] Ghi số năm công tác trong ngành Công Thương hoặc ghi thành tích đóng góp cho sự nghiệp phát triển ngành Công Thương đối với cá nhân thuộc đối tượng không tính thâm niên công tác trong ngành Công Thương.